

## **KẾ HOẠCH**

### **Phát triển ngành hàng cây ăn quả, rau chủ lực và thế mạnh của địa phương tỉnh Đắk Nông, đến năm 2030**

Thực hiện Quyết định số 4085/QĐ-BNN-TT ngày 27/10/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phê duyệt Đề án phát triển cây ăn quả chủ lực đến năm 2025 và 2030, Quyết định số 417/QĐ-TTg ngày 22/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án phát triển ngành chế biến rau quả giai đoạn 2021-2030. Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông ban hành Kế hoạch phát triển ngành hàng cây ăn quả, rau chủ lực và thế mạnh của địa phương tỉnh Đắk Nông, đến năm 2030, cụ thể như sau:

## **I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

### **1. Mục đích**

- Cụ thể hóa các nội dung Quyết định số 4085/QĐ-BNN-TT ngày 27/10/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phê duyệt Đề án phát triển cây ăn quả chủ lực đến năm 2025 và 2030, Quyết định số 417/QĐ-TTg ngày 22/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án phát triển ngành chế biến rau quả giai đoạn 2021-2030 để triển khai thực hiện phù hợp với tình hình, điều kiện cụ thể và phát huy lợi thế của địa phương.

- Phân công nhiệm vụ cụ thể cho các Sở, ngành, địa phương theo chức năng, nhiệm vụ chủ động triển khai thực hiện.

### **2. Yêu cầu**

- Kế hoạch ban hành đảm bảo phù hợp với tình hình, điều kiện và định hướng phát triển vùng sản xuất nguyên liệu tập trung gắn với phát triển công nghiệp sơ chế, chế biến nông sản; Kế hoạch phải có tính khả thi trong thực hiện.

- Nguồn lực thực hiện Kế hoạch lồng ghép hiệu quả với các chương trình, đề án, dự án, kế hoạch khác có liên quan để huy động mọi nguồn lực.

- Căn cứ các nội dung của kế hoạch đề ra, hàng năm các Sở, ngành, địa phương xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động theo phân công, phân nhiệm để chủ động nguồn lực thực hiện đạt các chỉ tiêu đề ra.

## **II. MỤC TIÊU**

### **1. Mục tiêu chung**

Đến năm 2030, hình thành và phát triển các vùng sản xuất cây ăn quả, rau chủ lực, thế mạnh địa phương gắn với ngành chế biến rau quả của tỉnh, phát triển





hiệu quả, an toàn và bền vững; đáp ứng được yêu cầu sản xuất và nhu cầu thị trường tiêu thụ; áp dụng công nghệ tiên tiến với các vùng sản xuất rau quả tập trung, sản lượng hàng hóa lớn; sản phẩm đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm, có giá trị gia tăng và khả năng cạnh tranh cao đối với thị trường trong nước và xuất khẩu.

## 2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

- Phát triển diện tích cây ăn quả đạt 22.800 ha, sản lượng đạt 130.000 tấn. Trong đó:

i) Diện tích cây Sầu riêng chiếm khoảng 30,6% (6.980 ha) diện tích cây ăn quả toàn tỉnh; các vùng sản xuất tập trung tập trung tại các huyện: Đăk Mil, Đăk Song, Tuy Đức, Đăk Glong, Đăk R'lấp và thành phố Gia Nghĩa.

ii) Diện tích cây Bơ chiếm khoảng 23,9% (5.450 ha) diện tích cây ăn quả toàn tỉnh; các vùng sản xuất tập trung tập trung tại các huyện (trừ huyện Cư Jút) và thành phố Gia Nghĩa.

iii) Diện tích cây Mít chiếm khoảng 6,8% (1.560 ha) diện tích cây ăn quả toàn tỉnh; các vùng sản xuất tập trung tại các huyện: Cư Jút, Đăk Mil, Đăk Glong, Đăk R'lấp và thành phố Gia Nghĩa;

iv) Diện tích cây Xoài chiếm khoảng 7,8% (1.790 ha) diện tích cây ăn quả toàn tỉnh; các vùng sản xuất tập trung tại huyện Đăk Mil và huyện Cư Jút.

v) Diện tích cây Chanh dây chiếm khoảng 14,3% (3.250 ha) diện tích cây ăn quả toàn tỉnh; các vùng sản xuất tập trung tại các huyện: Đăk Song, Đăk R'lấp, Đăk Glong, Tuy Đức và thành phố Gia Nghĩa.

- Rau các loại: Phát triển trên 10.000 ha, sản lượng khoảng 150.000 tấn; các vùng sản xuất tập trung tại các huyện: Krông Nô, Đăk Mil, Đăk Song, Đăk Glong, Đăk R'lấp, Tuy Đức và thành phố Gia Nghĩa.

*(Chi tiết tại phụ lục 1 kèm theo)*

- 100% cơ sở sơ chế, chế biến, đóng gói, bảo quản rau quả được hỗ trợ thông tin/kiến thức, cải tạo và nâng cấp để nâng cao năng lực chế biến, trình độ công nghệ phù hợp với sản lượng và đặc tính cho các loại rau quả chủ lực nhằm giảm nhanh tổn thất sau thu hoạch và đảm bảo điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của thị trường tiêu thụ.

- Phần đầu có 70% trở lên cơ sở chế biến rau quả có quy mô nhỏ và vừa có công suất và công nghệ phù hợp với đặc thù và khả năng sản xuất nguyên liệu của tỉnh nhằm đa dạng hóa chủng loại sản phẩm rau quả chế biến.

- Hình thành được những vùng sản xuất rau quả tập trung có địa chỉ cụ thể gắn với doanh nghiệp/ hợp tác xã/các cơ sở, đại lý thu gom lớn được đầu tư máy móc, trang thiết bị, xưởng sơ chế, chế biến, đóng gói và kho mát với quy mô phù hợp để hình thành hệ thống các cơ sở sơ chế, chế biến, đóng gói đồng bộ đáp ứng được yêu cầu thị trường trong nước và xuất khẩu.



- Thu hút hoặc liên kết vùng ít nhất 01 doanh nghiệp lớn có đủ năng lực về vốn, khoa học công nghệ và thị trường đầu tư nhà máy chế biến sâu, chế biến tổng hợp để đa dạng hóa sản phẩm tạo ra giá trị gia tăng cao (như chế biến thành thực phẩm, mỹ phẩm...) từ những mặt hàng rau quả còn nhiều dư địa về thị trường mà tỉnh có lợi thế về sản xuất và tỷ lệ đưa vào chế biến còn thấp như bơ, mít, xoài, sầu riêng, chanh dây và các loại rau xanh (cải thảo, cải xanh, su hào, cải củ, cải bắp, cà chua, dưa chuột, cà rốt, rau gia vị ...).

- 100% phế phụ phẩm trong sản xuất, chế biến rau quả được tận dụng chế biến để tạo ra các sản phẩm có giá trị kinh tế và bảo vệ môi trường (thức ăn chăn nuôi, phân bón ...) và hình thành các mô hình kinh tế tuần hoàn trong ngành sản xuất, chế biến rau quả.

### **III. NỘI DUNG, NHIỆM VỤ THỰC HIỆN**

*(Chi tiết tại phụ lục 2 kèm theo)*

### **IV. GIẢI PHÁP**

#### **1. Công tác phổ biến, tuyên truyền**

- Phổ biến Kế hoạch phát triển ngành hàng cây ăn quả, rau chủ lực và thế mạnh của địa phương tỉnh Đắk Nông, đến năm 2030 trên hệ thống các văn bản quản lý các cấp; đồng thời tuyên truyền các văn bản, chính sách của Trung ương và địa phương liên quan đến phát triển ngành hàng cây ăn quả, rau chủ lực và thế mạnh của tỉnh trên các phương tiện thông tin đại chúng và các phương tiện truyền thông khác.

- Lồng ghép truyền truyền, phổ biến các quy trình, tiêu chuẩn, quy chuẩn sản xuất các loại cây ăn quả, rau chủ lực và thế mạnh của địa phương thông qua các Hội nghị, khóa tập huấn; quảng bá, giới thiệu các sản phẩm rau, quả của tỉnh tại các Hội chợ, Chương trình xúc tiến thương mại; các cửa hàng giới thiệu sản phẩm OCOP; các trang Website, sản thương mại điện tử...

- Đưa tin bài về những mô hình điển hình về sản xuất, chế biến rau, quả hiệu quả, an toàn để học tập nhân rộng.

#### **2. Cơ chế chính sách**

Tiếp tục triển khai thực hiện hiệu quả các cơ chế, chính sách đã có để tạo thuận lợi, đơn giản hóa các thủ tục liên quan đến hỗ trợ phát triển ngành chế biến, bảo quản rau quả tại Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ về chính sách phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn; Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; Quyết định số 1563/QĐ-UBND ngày 22/9/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án tổ chức, củng cố lại hoạt động của các Hợp tác xã theo Luật Hợp tác xã năm 2012 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông, giai đoạn 2021-2025. Thúc đẩy



các hình thức hợp tác, liên kết sản xuất, chế biến, tiêu thụ hàng hóa lớn theo chuỗi giá trị, kết nối với hệ thống tiêu thụ ở cả trong nước và nước ngoài. Khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào chế biến sâu tạo ra giá trị gia tăng cao, giảm tồn thất sau thu hoạch; đồng thời thúc đẩy doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực chế biến, bảo quản rau quả, cụ thể:

- Tập trung xúc tiến đầu tư, thu hút các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực chế biến rau, quả với công nghệ chế biến tiên tiến, sạch, thân thiện môi trường, tạo ra các sản phẩm mới có giá trị gia tăng cao.

- Tập trung cải tạo, nâng cấp các cơ sở sơ chế, chế biến rau, quả quy mô nhỏ để đáp ứng yêu cầu chất lượng, an toàn thực phẩm. Phát triển các Hợp tác xã dịch vụ, thu mua và sơ chế rau quả tại các vùng sản xuất rau quả tập trung.

### **3. Phát triển chế biến các sản phẩm rau, quả thế mạnh của địa phương và các sản phẩm rau có giá trị gia tăng cao**

Tập trung chế biến các sản phẩm rau, quả, gồm: Rau, quả đóng hộp; rau, quả đông lạnh; các sản phẩm nước ép từ rau, quả và sản phẩm rau, quả sấy. Tổ chức chế biến đa dạng các sản phẩm rau, quả mà tỉnh Đắk Nông có lợi thế về sản xuất nguyên liệu phục vụ các cơ sở chế biến và tiêu thụ, như: Các loại rau (ăn lá, ăn củ, ăn quả); các loại quả (Bơ, Sầu riêng, Chanh dây, Mít...). Phát triển chế biến rau quả là đặc sản của địa phương, các sản phẩm OCOP. Khuyến khích và ưu tiên các doanh nghiệp đầu tư dây chuyền chế biến tiên tiến, sản xuất tuần hoàn trong ngành chế biến rau quả, cụ thể:

- Triển khai có hiệu quả các chính sách, các chương trình khoa học và công nghệ để hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã nâng cấp hoặc thay thế công nghệ chế biến, bảo quản rau, quả.

- Tăng cường ứng dụng công nghệ tiên tiến, công nghệ cao trong sản xuất trồng trọt: Nhà lưới, nhà màng, nhà kính, tưới tự động, vòm che thấp, màng phủ nông nghiệp; ứng dụng công nghệ tiên tiến và các tiến bộ kỹ thuật vào xử lý và bảo quản rau, quả tươi; chế biến rau, quả và các phụ phẩm từ rau, quả; nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ để chế biến Bơ và nâng tầm các sản phẩm rau quả đạt tiêu chuẩn OCOP của tỉnh.

- Áp dụng các tiến bộ kỹ thuật, chuyển giao công nghệ tiên tiến vào sản xuất để có thể thu hoạch rau quả rải vụ, khắc phục và hạn chế tính thời vụ.

### **4. Xây dựng vùng nguyên liệu rau, quả chất lượng và đảm bảo an toàn thực phẩm phục vụ chế biến**

- Phát triển các vùng sản xuất rau, quả tập trung phù hợp với điều kiện khí hậu thổ nhưỡng và quy hoạch của địa phương; hình thành các vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, cung cấp nguyên liệu cho các cơ sở chế biến rau, quả. Lựa chọn và ưu tiên phát triển một số loại rau, quả chủ lực, đặc sản mà tỉnh và các địa phương có lợi thế, có khả năng cạnh tranh cao, đồng thời liên kết với tỉnh Lâm Đồng, tỉnh Đắk Lắk để tạo ra vùng sản xuất rau, quả tập trung, quy mô hàng hóa lớn. Sử dụng các loại giống rau, quả có năng suất, chất lượng, có



khả năng chống chịu với hạn và sâu bệnh. Phát triển sản xuất rau, quả theo quy trình an toàn, hữu cơ; thực hiện tốt các biện pháp thâm canh bền vững; áp dụng các tiến bộ công nghệ vào sản xuất, nhất là công nghệ thông tin, công nghệ số nhằm khắc phục và hạn chế tính thời vụ.

- Xây dựng, triển khai thực hiện công tác khuyến nông phát triển sản xuất rau, quả; xây dựng và nhân rộng các mô hình sản xuất nguyên liệu rau, quả tiên tiến phục vụ chế biến trên địa bàn các huyện, thành phố Gia Nghĩa.

- Xây dựng và hình thành các chuỗi liên kết giữa chế biến với tiêu thụ của tỉnh với tỉnh Lâm Đồng, tỉnh Đắk Lắk và các tỉnh/thành có thị trường tiêu thụ lớn, nhằm mở rộng vùng sản xuất nguyên liệu và thị trường tiêu thụ. Bảo đảm truy xuất nguồn gốc trên cơ sở áp dụng công nghệ thông tin, phần mềm truy xuất nguồn gốc. Hỗ trợ đầu tư xây dựng hệ thống các kho bảo quản rau quả tại các vùng sản xuất tập trung, các cơ sở chế biến phù hợp với điều kiện sản xuất của địa phương và lợi thế về giao thông.

- Tăng cường kiểm tra, kiểm soát chất lượng, an toàn thực phẩm trong sản xuất, chế biến, bảo quản và kiểm dịch rau, quả sản xuất tại địa phương và nhập khẩu; quản lý chặt chẽ thuốc bảo vệ thực vật trong sản xuất, hóa chất bảo quản trong rau quả. Thực hiện sự chỉ đạo của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong việc xây dựng và thực hiện các chương trình giám sát (dư lượng thuốc bảo vệ thực vật, kim loại nặng, độc tố nấm...) trên các sản phẩm rau quả.

- Áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến (HACCP, ISO) trong các cơ sở chế biến rau, quả xuất khẩu để đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm theo tiêu chuẩn quốc tế. Khuyến khích dồn điền, đổi thửa, tích tụ đất trồng rau, cây ăn quả nhưng phải đảm bảo phù hợp với thổ nhưỡng và quy định của pháp luật; xây dựng hệ thống truy xuất nguồn gốc, mã vùng trồng, mã cơ sở đóng gói trên cơ sở áp dụng công nghệ thông tin, phần mềm truy xuất nguồn gốc.

- Chú trọng thu hút đầu tư phát triển công nghiệp phụ trợ phục vụ ngành rau, quả theo hướng đẩy mạnh nghiên cứu, thiết kế, chế tạo sản xuất các loại máy, trang thiết bị phù hợp với quy mô doanh nghiệp, các loại bao bì đóng gói thân thiện môi trường và các phụ gia, chất bảo quản rau quả an toàn thực phẩm.

## **5. Tăng cường xúc tiến thương mại, phát triển thị trường tiêu thụ rau quả**

- Tiếp tục thực hiện cuộc vận động “*Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam*” tôn vinh sản phẩm rau quả trên địa bàn tỉnh có chất lượng cao, đảm bảo an toàn thực phẩm. Đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến thương mại, kết nối cung, cầu sản phẩm rau quả, đa dạng hóa các kênh giới thiệu, quảng bá và phân phối sản phẩm rau quả (Tổ chức các Hội chợ, triển lãm, tuần lễ giới thiệu sản phẩm nông sản, các cửa hàng giới thiệu sản phẩm OCOP..).

- Cập nhật thông tin thị trường, chính sách thương mại khu vực và quốc tế về nông sản; giá cả, tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, hàng rào kỹ thuật, thuế quan để định hướng sản xuất, chế biến rau quả. Đối với sản phẩm rau quả tươi tập trung vào thị trường nội địa tại các tỉnh, thành phố có sức tiêu thụ lớn và thị



trường xuất khẩu có khoảng cách địa lý gần Việt Nam để giảm chi phí dịch vụ logistics, hư hao sản phẩm (như thị trường Trung Quốc, Đài Loan). Đối với các sản phẩm rau quả chế biến ưu tiên các thị trường xuất khẩu: Mỹ, EU, Nhật, Úc...

- Xây dựng thương hiệu, đăng ký bảo hộ nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý các sản phẩm rau quả lợi thế thế mạnh của địa phương. Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền về Kế hoạch phát triển chế biến rau quả của tỉnh; Ứng dụng công nghệ thông tin vào phân phối sản phẩm, hỗ trợ các cá nhân, tổ chức sản xuất chế biến rau quả đưa sản phẩm lên các sàn thương mại điện tử, thúc đẩy kinh tế số nông nghiệp, nông thôn.

- Thiết lập liên kết hệ thống logistics sản phẩm nông sản để kết nối với các vùng sản xuất rau quả trong và ngoài tỉnh.

## **V. KINH PHÍ THỰC HIỆN**

- Nguồn kinh phí thực hiện

+ Ngân sách nhà nước: lồng ghép các Chương trình, Dự án, nhiệm vụ có liên quan do Trung ương, địa phương và các Sở, ngành thực hiện; bố trí trong dự toán hàng năm theo nhiệm vụ phân công do các đơn vị, địa phương đề xuất.

+ Ngân sách ngoài nhà nước: nguồn vốn của cá nhân/tổ chức/doanh nghiệp; nguồn vốn tài trợ, viện trợ và huy động hợp pháp khác.

- Căn cứ vào các nhiệm vụ được giao trong Kế hoạch, hàng năm các đơn vị, Sở ngành có liên quan chủ động xây dựng kế hoạch hoạt động kèm theo dự toán nhu cầu kinh phí trình cấp có thẩm quyền xem xét, bố trí theo quy định pháp luật về ngân sách nhà nước.

- Các địa phương thuộc tỉnh có trách nhiệm cân đối, bố trí ngân sách địa phương và huy động các nguồn vốn hợp pháp để thực hiện các hoạt động phát triển, thúc đẩy phát triển ngành chế biến, bảo quản rau quả tại địa phương theo quy định.

## **VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Ngoài các nội dung, nhiệm vụ được phân công thực hiện tại mục III, các đơn vị, địa phương cần tổ chức thực hiện các nhiệm vụ sau:

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là cơ quan đầu mối theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn tổng hợp kết quả triển khai thực hiện Kế hoạch; định kỳ hàng năm (vào ngày 15 tháng 12), 5 năm và 10 năm, tổng hợp, báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và UBND tỉnh về kết quả triển khai thực hiện Kế hoạch.

2. Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành xây dựng chương trình xúc tiến thương mại của tỉnh, trong đó chú trọng kết nối cung, cầu sản phẩm rau quả tại địa phương và các tỉnh, thành phố có thị trường tiêu thụ lớn.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành triển khai có hiệu quả Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn



trên địa bàn tỉnh. Tham mưu UBND tỉnh tổ chức các hoạt động, thủ tục thu hút nhà đầu tư triển khai dự án về sản xuất, chế biến rau, quả vào địa bàn tỉnh theo các quy định hiện hành.

4. Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí thực hiện các nhiệm vụ được phân công cho các đơn vị trong dự toán hàng năm theo khả năng cân đối ngân sách tỉnh; hướng dẫn các đơn vị thanh, quyết toán theo quy định.

5. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa triển khai nghiên cứu, ứng dụng công nghệ tiên tiến, công nghệ cao trong sản xuất, trồng trọt, bảo quản và chế biến rau quả đặc sản của địa phương; hỗ trợ, hướng dẫn đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, truy xuất nguồn gốc trong lĩnh vực sản xuất, chế biến, bảo quản rau quả của địa phương.

6. Sở Y tế phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong kiểm tra, giám sát an toàn thực phẩm của các sản phẩm rau quả chế biến, bảo quản.

7. Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa và các đơn vị liên quan hướng dẫn các cơ sở sản xuất, chế biến rau quả thực hiện các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

8. Sở Thông tin và Truyền thông, Đài Phát thanh và truyền hình tỉnh, Báo Đắk Nông phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hỗ trợ quảng bá, kết nối tiêu thụ, xúc tiến thương mại các sản phẩm rau quả trên các phương tiện thông tin đại chúng và các sàn thương mại điện tử.

9. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Gia Nghĩa

- Căn cứ nội dung Kế hoạch và điều kiện thực tế của địa phương chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch phát triển ngành chế biến rau quả trên địa bàn thiết thực, hiệu quả.

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng và phát triển các vùng sản xuất rau quả tập trung, các mô hình, dự án rau quả; hình thành các chuỗi liên kết sản xuất, chế biến rau quả của địa phương.

- Hàng năm, bố trí ngân sách địa phương và các nguồn vốn hợp pháp khác để tổ chức thực hiện các nội dung của Kế hoạch.

10. Liên minh Hợp tác xã và Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh phối hợp với các cơ quan có liên quan vận động, thông tin tuyên truyền các cơ chế, chính sách khuyến khích đầu tư; chính sách hỗ trợ hợp tác, liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp; các chính sách ưu đãi của tỉnh tới các doanh nghiệp, các Hợp tác xã và các hộ sản xuất tham gia thúc đẩy kết nối trong sản xuất – chế biến – tiêu thụ; nâng cao trình độ công nghệ, công suất chế biến, nâng cao năng lực cạnh tranh sản phẩm rau quả.

Định kỳ các Sở, ngành, địa phương, UBND các huyện, thành phố Gia Nghĩa và các đơn vị liên quan báo cáo kết quả triển khai thực hiện Kế hoạch gửi về

UBND tỉnh (thông qua Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) để tổng hợp, báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo quy định.

Trong quá trình triển khai thực hiện Kế hoạch này nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị có liên quan phản ánh gửi về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo./.

**Nơi nhận:**

- Bộ Nông nghiệp và PTNT (b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- UB MTTQ VN tỉnh;
- Các Sở: NN&PTNT, CT, TN&MT, TC, KH&ĐT, KH&CN, YT, TT&TT;
- Hội Nông dân tỉnh;
- Liên minh HTX tỉnh;
- Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh;
- UBND các huyện, TP Gia Nghĩa;
- Đài PT&TH tỉnh, Báo Đắk Nông;
- Công TTĐT tỉnh;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH, NNTNMT<sub>(LTT)</sub>.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Lê Trọng Yên**





**PHỤ LỤC 1**  
**DIỆN TÍCH CÂY ĂN TRÁI, RAU TỈNH ĐẮK NÔNG, ĐẾN NĂM 2030**  
*(Kèm theo Kế hoạch số 766 /KH-UBND ngày 13 /12/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)*

*Đvt: Ha*

TT	Cây trồng	Toàn tỉnh		H.Cư Jút		H.Krông Nô		H.Đắk Mil		H.Đắk Song		H.Đắk Glong		TP.Gia Nghĩa		H.Đắk R'Lấp		H.Tuy Đức	
		2025	2030	2025	2030	2025	2030	2025	2030	2025	2030	2025	2030	2025	2030	2025	2030	2025	2030
<b>1</b>	<b>Rau các loại</b>	<b>10.210</b>	<b>10.400</b>	-	-	<b>2.000</b>	<b>2.800</b>	<b>3.000</b>	<b>2.300</b>	<b>3.600</b>	<b>3.600</b>	<b>680</b>	<b>700</b>	<b>200</b>	<b>200</b>	<b>300</b>	<b>300</b>	<b>430</b>	<b>500</b>
-	Vụ Đông Xuân	1.510	1.950	-	-	500	800	100	50	500	600	160	200	50	50	100	100	100	150
-	Vụ Hè Thu	5.850	5.680	-	-	1.000	1.500	2.500	2.000	1.600	1.500	400	300	70	80	100	100	180	200
-	Vụ Thu Đông	2.850	2.770	-	-	500	500	400	250	1.500	1.500	120	200	80	70	100	100	150	150
<b>2</b>	<b>Cây ăn quả</b>	<b>16.600</b>	<b>22.800</b>	<b>2.000</b>	<b>2.200</b>	<b>1.200</b>	<b>2.000</b>	<b>3.550</b>	<b>4.400</b>	<b>2.650</b>	<b>4.200</b>	<b>2.600</b>	<b>3.800</b>	<b>1.500</b>	<b>2.000</b>	<b>1.400</b>	<b>1.900</b>	<b>1.700</b>	<b>2.300</b>
2.1	Sầu riêng	4.910	6.980	260	300	400	630	1.200	1.600	600	1.100	600	900	500	700	550	650	800	1.100
2.2	Bơ	4.200	5.450	300	300	400	700	800	1.000	800	1.000	600	800	500	550	350	500	450	600
2.3	Cây có múi (cam quýt, chanh, bưởi...)	1.020	1.350	300	300	100	130	50	100	300	500	150	150	50	100	50	50	20	20
2.4	Mít	1.150	1.560	260	300	70	120	200	270	30	70	200	300	150	200	90	100	150	200
2.5	Xoài	1.610	1.790	260	300	60	100	1.200	1.300	-	-	50	50	10	10	10	10	20	20
2.6	Chanh dây	2.060	3.250	50	50	40	100	-	-	800	1.200	700	1.200	200	300	120	200	150	200
2.7	Nhãn, vải, chôm chôm	520	710	210	250	50	100	50	70	60	80	50	100	20	20	70	80	10	10
2.8	Chuối	720	900	300	300	70	100	40	50	30	50	150	200	20	40	60	60	50	100
2.9	Khác	410	810	60	100	10	20	10	10	30	200	100	100	50	80	100	250	50	50



**PHỤ LỤC 2**  
**NỘI DUNG, NHIỆM VỤ THỰC HIỆN**

(Kèm theo Kế hoạch số ~~766~~ /KH-UBND ngày 13 /12/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)

Stt	Nội dung, nhiệm vụ thực hiện	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Dự kiến kết quả	Thời gian thực hiện	Nguồn kinh phí thực hiện
<b>1</b>	<b>Thiết lập cơ sở dữ liệu ngành hàng rau, quả</b>					
1.1	Rà soát, hệ thống hóa văn bản, tài liệu về ngành hàng rau, quả	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các Sở, ngành, các địa phương	Báo cáo kết quả	2023 và cập nhật hàng năm	Chi thường xuyên
1.2	Khảo sát, thống kê, đánh giá tình hình sản xuất, chế biến, tiêu thụ, chuỗi liên kết, chuỗi cung ứng, ... rau, quả trên địa bàn tỉnh (đầu kỳ, cuối kỳ và cập nhật hàng năm)	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; UBND các huyện, TP Gia Nghĩa	Các Sở, ngành liên quan, Đoàn thể chính trị xã hội	Kế hoạch thực hiện và Báo cáo kết quả	2023 và cập nhật hàng năm	Lồng ghép nhiệm vụ thường xuyên, nhiệm vụ được giao khác có liên quan
1.3	Khảo sát, đánh giá và định vị, định danh các vùng sản xuất rau, quả tập trung, An toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh (làm cơ sở cho việc chỉ đạo, hướng dẫn phát triển mã số vùng trồng trợ phục vụ cho chế biến)	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; UBND các huyện, TP Gia Nghĩa	Các Sở, ngành liên quan, Đoàn thể chính trị xã hội	Kế hoạch thực hiện và Báo cáo kết quả thực hiện và danh sách các vùng trồng rau, quả tập trung được định vị và định danh	Hàng năm	Sự nghiệp kinh tế bố trí trong dự toán hàng năm theo cân đối Ngân sách
1.4	Ứng dụng phần mềm công nghệ thông tin vào quản lý ngành hàng rau, quả	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; UBND các huyện, TP Gia Nghĩa	Các Sở, ngành liên quan	Báo cáo kết quả	2024-2030	Lồng ghép nhiệm vụ có liên quan
<b>2</b>	<b>Phát triển và nâng cao năng lực sản xuất rau, quả nguyên liệu phục vụ ngành chế biến</b>					
2.1	Xác định, định hướng vùng sản xuất rau, quả phù hợp với Quy hoạch sử dụng đất và theo khả năng, thế mạnh của mỗi địa phương	UBND các huyện, TP Gia Nghĩa	Các Sở, ngành có liên quan	Kế hoạch/Hướng dẫn thực hiện; Báo cáo kết quả triển	Hàng năm	Sự nghiệp kinh tế bố trí trong dự toán hàng năm theo cân



						đổi Ngân sách và lồng ghép nhiệm vụ có liên quan
2.2	Kiểm tra, đánh giá thiết lập, cấp, quản lý mã số vùng trồng rau, quả theo quy định trồng trọt làm cơ sở phục vụ chế biến	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các Sở, ngành, các địa phương, đoàn thể chính trị xã hội	Kế hoạch thực hiện; Báo cáo kết quả triển	Hàng năm	Lồng ghép nhiệm vụ chung về thiết lập, cấp mã số vùng trồng lĩnh vực trồng trọt
2.3	Tổ chức tập huấn/điển đàn/hội thảo cung cấp thông tin, định hướng, hướng dẫn hình thành các chuỗi liên kết sản xuất và cung ứng rau, quả an toàn gắn với Tổ hợp tác, Hợp tác xã sản xuất, dịch vụ, sơ chế/chế biến rau, quả để cung cấp cho các doanh nghiệp chế biến/tiêu thụ rau, quả ổn định	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; UBND các huyện, TP Gia Nghĩa; Các tổ chức đoàn thể tỉnh; Liên minh Hợp tác xã	Các Sở, ngành, các địa phương	Kế hoạch triển khai; Báo cáo kết quả triển khai (2-3 chuỗi/huyện, thành phố)	Hàng năm	Sự nghiệp kinh tế bố trí trong dự toán hàng năm theo cân đối Ngân sách và lồng ghép các Chương trình, dự án liên quan
2.4	Xây dựng mô hình điểm hỗ trợ hình thành vùng sản xuất/chuỗi liên kết sản xuất rau, quả tập trung thực hiện áp dụng tiêu chuẩn thực hành nông nghiệp tốt (GAP), quản lý dịch hại tổng hợp (IPM), , ... để nhân rộng.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; UBND các huyện, TP Gia Nghĩa; Các tổ chức đoàn thể tỉnh	Các Sở, ngành, các địa phương	Kế hoạch triển khai; Báo cáo kết quả triển khai	Hàng năm	Sự nghiệp kinh tế bố trí trong dự toán hàng năm theo cân đối Ngân sách và lồng ghép các Chương trình, dự án liên quan
2.5	Triển khai các nhiệm vụ nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao công nghệ tiên tiến, công nghệ cao, công nghệ số vào sản xuất, trồng trọt các loại rau quả đặc sản, thế mạnh của địa phương; đặc biệt ứng dụng các công nghệ sản xuất rau, quả tuần hoàn	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ngành, các địa phương và các đơn vị liên quan	Báo cáo kết quả triển khai	Hàng năm	Sự nghiệp khoa học và các nguồn hợp pháp khác
2.6	Xây dựng và nhân rộng mô hình ứng dụng công nghệ cao, chuyển đổi số trong sản xuất rau quả dựa trên nền tảng cơ sở dữ liệu về đất đai, cây trồng, môi trường, thời tiết để nâng cao	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; UBND các huyện, TP Gia Nghĩa; Các tổ	Các Sở, ngành, các địa phương	Kế hoạch triển khai; Báo cáo kết quả triển khai	Hàng năm	Sự nghiệp kinh tế bố trí trong dự toán hàng năm theo cân đối Ngân sách và lồng ghép các





	năng suất và chất lượng sản phẩm.	chức đoàn thể tỉnh				Chương trình, dự án liên quan
2.7	Nâng cấp hệ thống hạ tầng cơ sở: Giao thông, hệ thống điện, hệ thống thủy lợi tưới tiêu phục vụ sản xuất, kết nối tiêu thụ sản phẩm rau, quả.	UBND các huyện, TP Gia Nghĩa	Các Sở, ngành và các đơn vị liên quan	Báo cáo kết quả thực hiện	Hàng năm	Vốn đầu tư hỗ trợ theo quy định Đề án và từ các Chương trình Nông thôn mới, Dự án lồng ghép và các nguồn hợp pháp khác
2.8	Triển khai, hướng dẫn thực hiện các chính sách hỗ trợ đã ban hành để thu hút, thúc đẩy các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp đầu tư vào sản xuất rau, quả tập trung, an toàn thực phẩm, theo chuỗi liên kết để phát triển ngành hàng rau quả của Tỉnh được rõ nét, hiệu quả, bền vững	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; UBND các huyện, TP Gia Nghĩa; Các tổ chức đoàn thể tỉnh	Các Sở, ngành và các đơn vị liên quan	Báo cáo kết quả thực hiện	Hàng năm	Nhiệm vụ thường xuyên
<b>3</b>	<b>Phát triển và nâng cao năng lực sơ chế, chế biến, bảo quản rau, quả</b>					
3.1	Tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ chuyên môn; các chủ thể sản xuất, sơ chế, chế biến và bảo quản rau, quả ( <i>theo nhiệm vụ của các địa phương, các đơn vị liên quan</i> )	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Sở Công Thương; Sở Kế hoạch và Đầu tư; UBND các huyện, TP Gia Nghĩa; Các tổ chức đoàn thể tỉnh; Liên minh Hợp tác xã	Các Sở, ngành và các đơn vị liên quan	Báo cáo kết quả thực hiện (100% cán bộ phụ trách; 80% trở lên các cơ sở sơ chế, chế biến và sản xuất tập trung rau, quả được tập huấn)	Hàng năm	Sự nghiệp kinh tế bố trí trong dự toán hàng năm theo cân đối Ngân sách và Lồng ghép nhiệm vụ có liên quan
3.2	Hỗ trợ và chuyển giao máy móc, trang thiết bị, xưởng sơ chế, đóng gói và kho mát với quy mô phù hợp tại những khu vực sản xuất rau quả tập trung, hợp tác xã sản xuất và tại các cơ sở, đại lý thu gom lớn để hình thành hệ thống các cơ	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Sở Công; UBND các huyện, TP Gia Nghĩa; Các tổ chức đoàn	Các Sở, ngành, các địa phương và các đơn vị liên quan	Kế hoạch và Báo cáo kết quả thực hiện	Hàng năm	Sự nghiệp kinh tế bố trí trong dự toán hàng năm theo cân đối Ngân sách và Lồng ghép nhiệm vụ có liên quan



	sở sơ chế, đóng gói đồng bộ thông qua xây dựng các mô hình điểm hoặc triển khai các chương trình, dự án, chính sách có liên quan	thể tỉnh; Liên minh Hợp tác xã				
3.3	Chế biến đa dạng hóa sản phẩm những mặt hàng rau, quả còn nhiều dư địa về thị trường mà tỉnh có lợi thế về sản xuất và tỷ lệ đưa vào chế biến còn thấp (bơ, mít, xoài, quả có múi và các loại rau cải, su hào, cà chua, dưa chuột, cà rốt, rau gia vị...) thông qua việc xây dựng mô hình điểm/chương trình khuyến công hỗ trợ các cơ sở chế biến máy móc, trang thiết bị, ... và triển khai chính sách liên quan	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Sở Công; UBND các huyện, TP Gia Nghĩa; Liên minh Hợp tác xã	Các Sở, ngành, các địa phương và các đơn vị liên quan	Kế hoạch và Báo cáo kết quả thực hiện	Hàng năm	Sự nghiệp kinh tế bố trí trong dự toán hàng năm theo cân đối Ngân sách và lồng ghép nhiệm vụ có liên quan
3.4	Tổ chức các Hội nghị xúc tiến và thu hút các nhà doanh nghiệp chế biến, tiêu thụ rau quả lớn hỗ trợ đầu tư vào tỉnh theo hình thức liên kết vùng hoặc xây dựng nhà máy chế biến tại tỉnh gắn với vùng/chuỗi sản xuất rau, quả an toàn có thể mạnh của địa phương	Trung tâm Xúc tiến đầu tư và Hỗ trợ doanh nghiệp	Các Sở, ngành, các địa phương	3-4 Hội nghị; Kế hoạch và báo cáo kết quả thực hiện (thu hút ít nhất được 01 Doanh nghiệp lớn)	Hàng năm	Sự nghiệp kinh tế và các nguồn hợp pháp khác
3.5	Quy hoạch quỹ đất thu hút các dự án đầu tư xây dựng nhà máy/cơ sở sơ chế, chế biến, bảo quản rau quả với quy mô theo khả năng vùng nguyên liệu của địa phương và của tỉnh	UBND các huyện, TP Gia Nghĩa	Các Sở, ngành, các địa phương	Báo cáo kết quả thực hiện	Đầu kỳ Quy hoạch	Nhiệm vụ thường xuyên
3.6	Triển khai các nhiệm vụ nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao công nghệ tiên tiến, công nghệ cao vào chế biến cho các loại rau quả lợi thế của địa phương, các sản phẩm OCOP cấp tỉnh; đặc biệt ứng dụng các công nghệ tuần hoàn trong xử lý các phế, phụ phẩm sau chế biến.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ngành, các địa phương và các đơn vị liên quan	Báo cáo kết quả triển khai	Hàng năm	Sự nghiệp khoa học và các nguồn hợp pháp khác
<b>4</b>	<b>Phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm rau quả</b>					
4.1	Tổ chức xúc tiến thương mại, quảng bá sản phẩm rau quả và phát triển kênh tiêu thụ sản phẩm rau quả tỉnh Đắk Nông.	Sở Công Thương	Các Sở, ngành, các địa phương và các đơn vị liên quan	Báo cáo kết quả triển khai	Hàng năm	Sự nghiệp kinh tế và các nguồn hợp pháp khác



4.2	Thông tin về thị trường nông sản, chính sách thương mại; giá cả, tiêu chuẩn chất lượng, hàng rào kỹ thuật, thuế quan... để định hướng sản xuất, chế biến và tiêu thụ Rau quả và các nông sản khác.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các Sở, ngành, các địa phương và các đơn vị liên quan	Xây dựng Website trung tâm và phát triển phần mềm hệ thống thông tin thị trường nông sản tỉnh Đắk Nông.	Theo lộ trình Đề án nâng cấp hệ thống thông tin thị trường nông sản tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2022-2025 và định hướng đến năm 2030	Theo Quyết định số 726/QĐ-UBND ngày 18/4/2022 của UBND tỉnh Đắk Nông và các nguồn hợp pháp khác
-----	--	--	---	---	--	---

